

Bài 4. Một vườn trường hình chữ nhật có chu vi 192m. Tính diện tích của vườn, biết rằng nếu chiều rộng tăng thêm 8 m, chiều dài giảm đi 8 m thì mảnh đất đó trở thành hình vuông.

Số chẵn bé là: $(70 - 10) : 2 = 30$

Số chẵn lớn là: $30 + 10 = 40$

Đáp số: 30; 40

Giải:

Nửa chu vi vườn trường là:

$$192 : 2 = 96 \text{ (m)}$$

Chiều dài hơn chiều rộng là:

$$8 + 8 = 16 \text{ (m)}$$

Chiều rộng là: $(96 - 16) : 2 = 40 \text{ (m)}$

Chiều dài là: $40 + 16 = 56 \text{ (m)}$

Diện tích vườn trường là:

$$40 \times 56 = 2240 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 2240m²

3. Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. Y/c HS về nhà làm bài và chuẩn bị bài sau.

Thứ tư ngày 15 tháng 10 năm 2014

Buổi sáng:

Tin học

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Tập đọc

đôi giày ba ta màu xanh.

(Theo Hoàng Chức Nguyễn)

I. Mục tiêu:

1. Đọc lưu loát toàn bài. Nghỉ hơi đúng, tự nhiên những câu dài.

- Biết đọc bài văn với giọng chậm rãi, nhẹ nhàng, hợp lý...

2. Hiểu nội dung: Để vận động cậu bé lang thang đi học, chị phụ trách đã quan tâm tới ước mơ của cậu, làm cho cậu rất xúc động, vui sướng vì được thưởng đôi giày trong buổi đầu đến lớp.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Bảng phụ viết đoạn văn luyện đọc.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

- GV gọi 2 - 3 HS đọc thuộc lòng bài thơ “*Nếu chúng mình có phép lạ*”.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Luyện đọc và tìm hiểu bài:

a.GV đọc diễn cảm toàn bài:

b.Luyện đọc và tìm hiểu đoạn 1:

- GV nghe, sửa sai và kết hợp giải nghĩa từ khó.

- Tìm hiểu nội dung:

? Nhân vật “tôi” là ai

? Ngày bé chị phụ trách Đội từng ước mơ điều gì

? Tìm những câu văn tả vẻ đẹp của đôi giày ba ta

? Mơ ước của chị ngày ấy có đạt được không

- GV hướng dẫn cả lớp luyện đọc và thi đọc diễn cảm những câu văn:

c.Luyện đọc và tìm hiểu đoạn 2:

- GV nghe, kết hợp sửa lỗi và giải nghĩa từ.

- Tìm hiểu nội dung:

? Chị phụ trách được giao việc gì

? Chị phát hiện ra Lái thèm muốn cái gì

? Chị đã làm gì để vận động cậu bé trong ngày đầu đến lớp

? Tại sao chị chọn cách làm đó

? Tìm những chi tiết nói lên sự cảm động và niềm vui của Lái khi nhận đôi giày

- GV hướng dẫn HS luyện đọc và thi đọc diễn cảm.

3.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét tiết học. Về nhà tập đọc lại bài, chuẩn bị bài sau.

HS: Vài HS đọc đoạn 1.

HS: Luyện đọc theo cặp. 1 - 2 em thi đọc cả đoạn.

- Là chị phụ trách Đội TNTP.

- Có 1 đôi giày ba ta màu xanh như đôi giày của anh họ chị.

- Cổ giày ôm sát chân, thân giày làm bằng vải cứng, dáng thon thả, màu vải như màu da trời những ngày thu...

- Không đạt được...

“Chao ôi ! Đôi giày mới đẹp làm sao
Cổ giày ôm sát chân ... các bạn tôi”

HS: 1 vài em đọc đoạn 2.

- Luyện đọc theo cặp

- 1 - 2 em đọc cả đoạn.

- Vận động Lái, 1 cậu bé nghèo, sống lang thang đi học.

- Lái ngẩn ngơ nhìn theo đôi giày ba ta màu xanh của 1 cậu bé đang dạo chơi.

- Chị quyết định thưởng cho Lái đôi giày ba ta màu xanh.

- Vì ngày nhỏ chị đã từng mơ ước như Lái

- Tay run run, môi mấp máy, mắt hết nhìn đôi giày lại nhìn xuống đôi bàn chân

HS: 2 em thi đọc cả bài.

Mỹ thuật

(Giáo viên chuyên ngành soạn - giảng)

Toán

Luyện tập chung

I.Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về giải toán tìm 2 số khi biết tổng và hiệu của chúng.
- Củng cố kỹ năng đổi đơn vị đo khối lượng, đơn vị đo thời gian.

II.Đồ dùng:

Bảng nhóm.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

- ? Muốn tìm số bé ta làm thế nào
- ? Muốn tìm số lớn ta làm thế nào

B.Dạy bài mới:

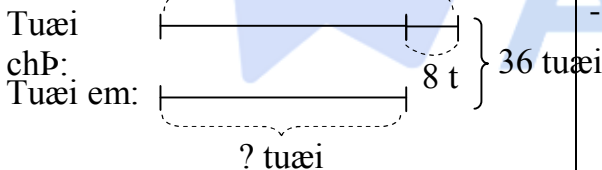
1.Giới thiệu ghi đầu bài:

2.Hướng dẫn luyện tập:

+ Bài 1:

-Chữa bài và cho điểm HS.

+ Bài 2: Tóm tắt: ? tuæi



+ Bài 3: Y/c HS đọc đề bài và tự làm bài.

- GV chữa bài, nhận xét.

+ Bài 4, 5: Y/ HS tự làm bài sau đó đổi vở kiểm tra chéo.

- GV chữa bài, nhận xét.

HS: Đọc yêu cầu bài tập và tự làm.

- 1 em lên bảng chữa bài.
- Cả lớp làm bài vào vở.

HS: Nêu đầu bài, tự tóm tắt rồi làm bài.

- 1 em lên chữa bài.
- Cả lớp làm vào vở.

Bài giải:

Tuổi của chị là:

$$(36 + 8) : 2 = 22 \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em là:

$$22 - 8 = 14 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Chị : 22 tuổi

Em: 14 tuổi

HS: Đọc đề bài và tự làm.

- 1 em làm bảng nhóm, lớp làm vào vở.
- Dán bảng và trình bày.

Bài giải:

Số sách giáo khoa là:

$$(65 + 17) : 2 = 24$$

Số sách đọc thêm là:

$$41 - 17 = 24 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: SGK: 41 quyển, SĐT: 24 quyển

HS: Đọc đề bài và tự làm vào vở

3.Củng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học.Y/c HS về làm bài và chuẩn bị bài sau.

Buổi chiều:

Kể chuyện

Kể Chuyện đã nghe, đã đọc

I.Mục tiêu:

Giúp HS:- Biết kể tự nhiên bằng lời của mình 1 câu chuyện (mẩu chuyện, đoạn chuyện) đã nghe, đã đọc nói về 1 ước mơ đẹp hoặc ước mơ viễn vông, phi lý..

- **Hiểu và trao đổi với bạn về nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.**
- **HS chăm chú nghe lời bạn kể, nhận xét đúng lời kể của bạn.**

II.Đồ dùng dạy - học:

Sách, báo, truyện viết về ước mơ.

III.Các hoạt động dạy - học:

A.Kiểm tra bài cũ:

GV kiểm tra 1 - 2 HS kể lại 1, 2 đoạn của câu chuyện giờ trước.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Hướng dẫn HS kể chuyện:

a.Hướng dẫn HS hiểu yêu cầu đề bài:

- GV chép đề lên bảng.
- GV gạch dưới những từ quan trọng.

- GV gợi ý: ? Những câu chuyện nào có trong SGK

? Ngoài ra em còn được nghe thêm những truyện nào khác

? Em sẽ chọn kể về ước mơ cao đẹp gì

? Những ước mơ như thế nào bị coi là viễn vông, phi lý

- GV lưu ý:

+ Kể chuyện phải có đủ 3 phần: mở đầu, diễn biến, kết thúc.

+ Kể xong cần trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

+ Với những câu chuyện dài có thể kể 1 - 2 đoạn.

b. HS thực hành kể chuyện, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện:

HS: 1 - 2 em đọc lại đề.

- 3 HS nối tiếp nhau đọc 3 gợi ý, cả lớp theo dõi.

- Lớp đọc thầm lại 3 gợi ý.

+ ở vương quốc Tương Lai.

+ Ba điều ước.

- Vào nghề.

- Lời ước dưới trăng.

- Đôi giày ba ta màu xanh.

- Điều ước của vua Mi - đất.

HS: Ước mơ về cuộc sống no đủ, hạnh phúc, ước mơ chinh phục thiên nhiên...

- Những ước mơ thể hiện lòng tham lam, ích kỷ, hẹp hòi chỉ nghĩ đến bản thân mình.

HS: Đọc thầm gợi ý 2, 3

HS: Kể chuyện theo cặp, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện.

- Thi kể chuyện trước lớp.
- Cả lớp và GV nhận xét, bình chọn bạn kể hay nhất, hấp dẫn nhất.

3. Củng cố dặn dò:

- GV nhận xét giờ học. Về nhà kể cho mọi người cùng nghe.

Luyện tiếng việt

Luyện tập: Cách viết tên người - tên địa lý nước ngoài

I. Mục tiêu:

1. Nắm được quy tắc viết tên người, tên địa lý nước ngoài.
2. Biết vận dụng quy tắc đã học để viết đúng những tên người, tên địa lý nước ngoài phổ biến quen thuộc.

II. Đồ dùng dạy - học:

Chuẩn bị nội dung bài.

III. Các hoạt động dạy học:

A. Kiểm tra bài cũ:

Gọi 2 HS viết bảng: Các Mác, Mat — xơ - va, I — u — ra Ga — ga — rin...

B. Dạy bài mới: 1. Giới thiệu:

2. Luyện tập:

Bài 1: Dựa vào quy tắc chính tả, chia các tên riêng sau thành 2 nhóm và viết lại cho đúng.

Tô ki ô, bình nhưỡng, hàn quốc, Triều tiên, Nhật — Bản, ki — ép, galia, Lí Diệu — Hoa, quảng - đông, Nam kinh, Êren bua

Bài 2. Ghi tên thủ đô của các nước sau:

Nga —> Mat — xơ - va

Đức -> Béc — lin

Anh -> Luân - đôn

Pháp -> Pa — ri

Mỹ -> Oa — sinh — ton

Bài 3. Ghi tên nước và thủ đô của các nước mà em yêu thích.

<i>TT</i>	<i>Tên nước</i>	<i>Tên thủ đô</i>
1	ấn Độ	Niu Đê — li
2	Đức	Béc — lin
3	Ma — lai — xi - a	Cua — la Lăm — pơ
4	Hà Lan	Am — tec - đam
5	Cam — pu - chia	Phnôm Pênh

a) Các tên riêng được phiên âm theo âm Hán Việt: Bình Nhưỡng, Hàn Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản, Lí Diệu Hoa, Nam Kinh.

b) Tô - ki - ô, Ki — ép, Ga — li — a, Ê - ren — bua.

Nhật -> Tô - ki - ô

Trung Quốc -> Bắc Kinh

Lào -> Viêng Chăn

Phi — lip — pin -> Ma — li — na

Thái Lan -> Băng Cốc

3. Củng cố dặn dò:

Nhận xét tiết học. Y/c HS về nhà học bài và làm bài tập.

Khoa học

ăn uống khi bị bệnh

I.Mục tiêu:

- HS biết nói về chế độ ăn uống khi bị 1 số bệnh.
- Nêu được chế độ ăn uống của người bị bệnh tiêu chảy.
- Pha dung dịch ô - rê - dôn và nước cháo muối.
- Vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

II.Đồ dùng dạy - học:

- Dung dịch ô - rê - zôn, nước, cốc, thìa.

III.Các hoạt động dạy học:

A.Kiểm tra bài cũ:

Gọi HS đọc thuộc lòng mục “*Bạn cần biết*” bài trước.

B.Dạy bài mới:

1.Giới thiệu:

2.Các hoạt động:

a.HĐ1: Thảo luận về chế độ ăn uống đối với người mắc bệnh thông thường:

* Cách tiến hành:

+ Bước 1: Tổ chức và hướng dẫn.

- GV phát phiếu có ghi câu hỏi.

? Kể tên các thức ăn cần cho người mắc bệnh thông thường

? Đối với người bị bệnh nặng nên cho ăn món ăn đặc hay loãng? Tại sao

? Đối với người bệnh không muốn ăn hoặc ăn quá ít nên cho ăn như thế nào

- GV kết luận mục “*Bạn cần biết*” SGK trang 35.

b.HĐ2: Thực hành pha dung dịch ô - rê - zôn và chuẩn bị cháo nước muối.

* Cách tiến hành:

? Bác sỹ đã khuyên người bệnh tiêu chảy cần phải ăn uống như thế nào

- Gọi 1 vài HS nhắc lại lời khuyên của bác sỹ.

- GV nhận xét chung về hoạt động của

HS: Thảo luận trong nhóm.

- Thịt, cá, trứng, sữa, các loại rau xanh, quả chín.

- Nên cho ăn món ăn loãng để dễ nuốt, dễ tiêu hoá...

- Nên cho ăn nhiều bữa trong ngày.

HS: Cả lớp quan sát và đọc lời thoại trong H4, 5 trang 35 SGK.

- 2 HS 1 em đọc câu hỏi của bà mẹ đưa con đến khám bệnh, 1 em đọc câu trả lời của bác sỹ.

- Phải cho cháu uống dung dịch ô - rê - zôn hoặc nước cháo muối.

- Để đề phòng suy dinh dưỡng vẫn cho cháu ăn đủ chất.

- Các nhóm báo cáo đồ dùng chuẩn bị

các nhóm.

c. *HD3: Đóng vai.*

* Cách tiến hành:

- GV và các nhóm cùng theo dõi các bạn đóng vai để nhận xét.

3. Cùng cố dặn dò:

- Nhận xét giờ học. - Về nhà học bài, chuẩn bị bài sau.

để pha dung dịch ô- rê - zôn và nấu cháo muối (không yêu cầu nấu).

HS: Các nhóm đưa ra tình huống để vận dụng những điều đã học vào cuộc sống.

- Có thể đóng vai thể hiện nội dung.
- Nhóm trưởng điều khiển các bạn phân vai theo tình huống mà nhóm mình đã chọn.

Thứ năm ngày 16 tháng 10 năm 2014

Buổi sáng:

Tập làm văn

Luyện tập phát triển câu chuyện

I. Mục tiêu:

Củng cố kỹ năng phát triển câu chuyện:

- Sắp xếp các đoạn văn kể chuyện theo trình tự thời gian.
- Viết câu mở đoạn để liên kết các đoạn văn theo trình tự thời gian.

II. Đồ dùng dạy - học:

- Phiếu học tập.

III. Các hoạt động dạy và học:

A. Kiểm tra bài cũ:

Gọi HS đọc bài viết phát triển câu chuyện từ đề bài.

B. Dạy bài mới:

1. Giới thiệu:

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Bài 1 + 2:

GV dán bảng tranh minh họa truyện “Vào nghề”.

- GV dán 4 tờ phiếu đã viết hoàn chỉnh 4 đoạn văn.

* Đoạn 1:

Mở đầu: Tết Nô - en năm ấy, cô bé Va - li - a 11 tuổi được bố mẹ cho đi xem xiếc (Tết ấy Va - li - a tròn 11 tuổi được bố mẹ cho đi xem xiếc).

Diễn biến: Chương trình xiếc hôm ấy hay tuyệt, nhưng Va - li - a thích hơn cả là tiết mục cô gái xinh đẹp vừa phi ngựa, vừa đánh đàn.

HS: Đọc yêu cầu của bài và tự làm bài.

- Mỗi em viết lần lượt 4 câu mở đoạn (tiết TLV tuần 7 đã hoàn chỉnh ít nhất 1 đoạn).

- HS phát biểu.